

THÔNG BÁO

Công khai kết quả quan trắc nước thải tự động, liên tục Nhà máy xử lý nước thải Cảng cá Phan Thiết, đợt 1 tháng 10/2025

Thực hiện Kế hoạch số 73/KH-BQLC ngày 18/8/2025 của Ban Quản lý các Cảng cá tỉnh Lâm Đồng về Công khai kết quả quan trắc nước thải sau xử lý năm 2025, Ban Quản lý các Cảng cá tỉnh Lâm Đồng công khai kết quả quan trắc nước thải tự động, liên tục Nhà máy xử lý nước thải Cảng cá Phan Thiết, đợt 1 tháng 10/2025 như sau:

1. Thông tin cơ sở: CẢNG CÁ PHAN THIẾT

- Địa chỉ: Phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng
- Giấy phép môi trường số 1677/GPMT-UBND ngày 17/9/2024.

2. Thông tin dữ liệu công khai:

- Tên mẫu: Nước thải sau xử lý;
- Thông số quan trắc: TSS, COD, pH, Amoni, Lưu lượng nước thải đầu ra;
- Giá trị trung bình ngày (24 giờ);
- Thời gian: Từ ngày 10/9/2025 đến ngày 09/10/2025.

Giao Văn phòng Ban công khai thông báo này lên trang thông tin điện tử của Ban Quản lý các Cảng cá tỉnh Lâm Đồng./.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- Văn phòng Ban;
- BDH cảng cá Phan Thiết;
- Lưu: VT, QLHTKT_{Duyên}.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thanh Danh

PHỤ LỤC**Kết quả quan trắc nước thải tự động, liên tục của Nhà máy xử lý nước thải Cảng cá Phan Thiết, đợt 1 tháng 10/2025***(Đính kèm Thông báo số 283/TB-BQLC ngày 10/10/2025 của Ban Quản lý các Cảng tỉnh Lâm Đồng)*

STT	Ngày	TSS		COD		pH		Amoni		Lưu lượng đầu ra	
		Dữ liệu	QCVN	Dữ liệu	QCVN	Dữ liệu	QCVN	Dữ liệu	QCVN	Dữ liệu	Giới hạn
		mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	-	-	mg/l	mg/l	m ³	m ³
1	10/9/2025	44,08	80 ⁽¹⁾	36,90	90 ⁽¹⁾	7,55	6-9 ⁽¹⁾	5,15	10 ⁽¹⁾	537,92	850 ⁽²⁾
2	11/9/2025	44,35		36,31		7,60		5,00		608,68	
3	12/9/2025	44,70		34,09		7,63		4,81		621,40	
4	13/9/2025	44,93		35,56		7,67		5,06		565,58	
5	14/9/2025	45,02		37,77		7,66		4,80		581,58	
6	15/9/2025	45,28		37,38		7,66		4,75		647,07	
7	16/9/2025	45,46		36,70		7,67		4,81		472,06	
8	17/9/2025	45,60		37,59		7,67		4,69		589,42	
9	18/9/2025	45,89		36,84		7,68		4,60		537,52	
10	19/9/2025	46,15		37,69		7,67		4,77		645,66	
11	20/9/2025	46,24		37,68		7,66		4,64		616,11	

STT	Ngày	TSS		COD		pH		Amoni		Lưu lượng đầu ra	
12	21/9/2025	46,51	80 ⁽¹⁾	38,85	90 ⁽¹⁾	7,68	6-9 ⁽¹⁾	4,40	10 ⁽¹⁾	321,18	850 ⁽²⁾
13	22/9/2025	46,29		39,97		7,73		4,75		587,47	
14	23/9/2025	46,21		39,48		7,71		5,07		595,09	
15	24/9/2025	46,41		42,22		7,65		4,64		639,81	
16	25/9/2025	46,65		44,27		7,66		4,65		625,69	
17	26/9/2025	46,79		44,07		7,70		4,83		614,55	
18	27/9/2025	47,01		46,08		7,74		5,04		648,73	
19	28/9/2025	47,33		45,93		7,73		4,95		536,65	
20	29/9/2025	47,52		45,08		7,71		4,91		768,78	
21	30/9/2025	47,72		44,73		7,69		5,04		805,74	
22	1/10/2025	47,79		45,29		7,66		4,89		729,24	
23	2/10/2025	47,90		46,35		7,62		4,82		677,07	
24	3/10/2025	48,09		46,81		7,60		4,22		626,13	
25	4/10/2025	48,08		48,58		7,60		4,13		598,61	
26	5/10/2025	48,10	49,72	7,63	4,35	601,30					

STT	Ngày	TSS		COD		pH		Amoni		Lưu lượng đầu ra	
27	6/10/2025	48,11	80 ⁽¹⁾	51,18	90 ⁽¹⁾	7,66	6-9 ⁽¹⁾	4,34	10 ⁽¹⁾	541,50	850 ⁽²⁾
28	7/10/2025	50,01		49,83		7,69		4,27		684,12	
29	8/10/2025	52,11		51,57		7,68		4,51		717,09	
30	9/10/2025	52,24		51,98		7,69		4,55		656,24	

Ghi chú:

⁽¹⁾: QCVN 40:2025/BTNMT, cột B, lưu lượng xả thải $\leq 2.000\text{m}^3/\text{ngày}$ - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

⁽²⁾: Giấy phép môi trường số 1677/GPMT-UBND ngày 17/9/2024 của UBND tỉnh Bình Thuận.